

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
VIỆN TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 180 /TN&MT

V/v báo cáo kết quả thực hiện chỉ
tiêu năm 2021 và xác định chỉ tiêu
tuyển sinh năm 2022 trình độ TS, ThS, ĐH

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2022

Kính gửi:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (Qua Vụ Giáo dục Đại học);
- Đại học Quốc gia Hà Nội (Qua Ban Đào tạo).

Thực hiện Công văn số 1836/BGDĐT-GDDH ngày 29/4/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc V/v báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu năm 2021 và xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2022 trình độ TS, ThS, ĐH, trình độ CD ngành GDMN và Công văn số 1459/ĐHQGHN-ĐT ngày 06/05/2022 của Đại học Quốc gia Hà Nội về việc báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu năm 2021 và xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2022 trình độ TS, ThS, ĐH, Viện Tài nguyên và Môi trường đã triển khai thực hiện và tổng hợp các nội dung trong báo cáo kèm theo.

Viện Tài nguyên và Môi trường xin trân trọng kính gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo; Đại học Quốc gia Hà Nội bản báo cáo để xem xét và tổng hợp.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện trưởng (để b/c);
- Lưu VP, PQLKHCN&ĐT, D.04.

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Võ Thanh Sơn

Ngày xuất: 24/05/2022 18:15

Cơ quan quản lý trực tiếp
Đại học Quốc gia Hà Nội
Viện Tài nguyên và Môi trường-Đại học Quốc gia Hà Nội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THỰC HIỆN CHỈ TIÊU TUYỂN SINH THEO TRÌNH ĐỘ/LĨNH VỰC/NGÀNH ĐÀO TẠO NĂM 2021

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Chỉ tiêu	Thực hiện	Tỉ lệ %
A	SAU ĐẠI HỌC			3	3	100
1	Tiến sĩ			3	3	100
1.1	Khoa học tự nhiên			3	3	100
1.1.1	Khoa học môi trường	9440301	Khoa học tự nhiên	3	3	100
2	Thạc sĩ			0	0	0
B	ĐẠI HỌC			0	0	0
3	Đại học chính quy			0	0	0
3.1	Chính quy					
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học					
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)					
3.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học					
3.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học					
3.4	Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên					
4	Đại học vừa làm vừa học			0	0	0

4.1	Vừa làm vừa học						
4.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học						
4.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học						
4.4	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên						
5	Từ xa						
C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC						
6	MẦM NON						
6.1	Cao đẳng chính quy						
6.2	Chính quy						
6.3	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chính quy						
7	Đào tạo chính quy đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng						
7.1	Cao đẳng vừa làm vừa học						
7.2	Vừa làm vừa học						
7.3	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng vừa làm vừa học						
7.3	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng						

Ngày xuất: 24/05/2022 18:15

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cơ quan quản lý trực tiếp
Đại học Quốc gia Hà Nội
n Tài nguyên và Môi trường-Đại học Quốc gia Hà Nội

CƠ SỞ PHÁP LÝ XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU NĂM 2022

1. Danh sách ngành đào tạo

STT	Tên ngành	Mã ngành	Số văn bản cho phép mở ngành	Ngày tháng năm ban hành văn bản cho phép mở ngành	Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định chuyển đổi tên ngành (gần nhất)
1	Khoa học môi trường	9440301	1959/QĐ-ĐHQGHN	13/06/2018		

Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh	Đào tạo ngành đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học	Năm bắt đầu thực hiện đào tạo ngành đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học	Số văn bản phê duyệt đào tạo từ xa	Ngày ban hành văn bản phê duyet đào	Năm bắt đầu thực hiện đào tạo từ xa
	2018	2018					

Ngày xuất: 24/05/2022 18:15

5. Công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng

5.1 Cơ sở đào tạo được công nhận kiểm định chất lượng

Số quyết định	Ngày quyết định	Tổ chức công nhận
---------------	-----------------	-------------------

5.2 Chương trình đào tạo được công nhận kiểm định chất lượng

STT	Tên ngành đào tạo có chương trình đào tạo được công nhận kiểm định	Mã ngành đào tạo	Số QĐ công nhận kiểm định chất lượng	Ngày QĐ công nhận kiểm định chất lượng	Tên tổ chức công nhận kiểm định
-----	--	------------------	--	---	------------------------------------

Ngày xuất: 24/05/2022 18:15

6. Hội đồng trường/ Hội đồng đại học

6.1 Quyết định thành lập

Số quyết định	Ngày quyết định	Đơn vị ký ban hành quyết định
---------------	-----------------	-------------------------------

6.2 Danh sách hội đồng trường

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Giới tính	Chức vụ trong Hội đồng trường	Cơ quan công tác	Chức vụ nơi cơ quan công tác
-----	-----------	-----------------	-----------	-------------------------------	------------------	------------------------------

Ngày xuất: 24/05/2022 18:15

7. Các văn bản triển khai thực hiện quyền tự chủ

STT	Loại văn bản triển khai quyền tự chủ	Nội dung văn bản	QĐ ban hành	Ngày QĐ ban hành	Cơ quan ban hành quyết định
1	Quy định thực hiện phân quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình đến từng đơn vị, cá nhân trong cơ sở giáo dục đại học	Quyết định về việc thành lập Viện Tài nguyên và Môi trường thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội	2218/QĐ-TTg	17/11/2016	Thủ tướng Chính phủ

Ngày xuất: 24/05/2022 18:15

8. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

STT	Lĩnh vực /Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh	Số SV trúng tuyển nhập học	Số SV tốt nghiệp	Trong đó tỷ lệ SV tốt nghiệp đã có việc làm trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp (khảo sát ở năm liền kề trước năm tuyển sinh)

Ngày xuất: 24/05/2022 18:15

Cơ quan quản lý trực tiếp
Đại học Quốc gia Hà Nội
Viện Tài nguyên và Môi trường-Đại học Quốc gia Hà Nội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÁC ĐIỀU KIỆN XÁC ĐỊNH CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM 2022

1. Quy mô đào tạo hình thức chính quy đến ngày 31/12/2021 (người học)

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Quy mô đào tạo
A	SAU ĐẠI HỌC			16
1	Tiến sĩ			16
1.1	Khoa học tự nhiên			16
1.1.1	Khoa học môi trường	9440301	Khoa học tự nhiên	16
2	Thạc sĩ			0
B	ĐẠI HỌC			0
3	Đại học chính quy			0
3.1	Chính quy			
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học			
	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)			
3.1.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học			
3.2	Liên thông từ cao đẳng lên đại học			
3.3	Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên			0
4	Đại học vừa làm vừa học			
4.1	Vừa làm vừa học			
4.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học			
4.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học			

4.4	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên			
5	Từ xa			
C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON			
6	Cao đẳng chính quy			
6.1	Chính quy			
6.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chính quy			
6.3	Đào tạo chính quy đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng			
7	Cao đẳng vừa làm vừa học			
7.1	Vừa làm vừa học			
7.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng vừa làm vừa học			
7.3	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng			

Ngày xuất: 24/05/2022 18:15

2. Dự kiến người học tốt nghiệp năm 2022 (người học)

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Thời gian đào tạo	Dự kiến tốt nghiệp
A	SAU ĐẠI HỌC			0	3
1	Tiến sĩ			0	3
1.1	Khoa học tự nhiên			0	3
1.1.1	Khoa học môi trường	9440301	Khoa học tự nhiên	5	3
2	Thạc sĩ			0	0
B	ĐẠI HỌC			0	0
3	Đại học chính quy			0	0
3.1	Chính quy			0	
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học				
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)			0	0
3.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học			0	0
3.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học			0	0
3.4	Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên			0	0
4	Đại học vừa làm vừa học			0	0
4.1	Vừa làm vừa học			0	0
4.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học			0	0
4.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học			0	0
4.4	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên			0	0
5	Từ xa			0	0
C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON			0	0
6	Cao đẳng chính quy			0	
6.1	Chính quy			0	
6.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chính quy			0	
6.3	Đào tạo chính quy đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng			0	0
7	Cao đẳng vừa làm vừa học			0	
7.1	Vừa làm vừa học			0	
7.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng vừa làm vừa học			0	
7.3	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng			0	

Ngày xuất: 24/05/2022 18:15

3. Giảng viên toàn thời gian, giảng viên thỉnh giảng theo lĩnh vực đến ngày 31/12/2021

3.1 Giảng viên toàn thời gian theo lĩnh vực các trình độ từ cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ (người)

STT	Lĩnh vực	Mã ngành	Giáo sư. Tiến sĩ/ Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Phó Giáo sư. Tiến sĩ/ Phó Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Tiến sĩ/ Tiến sĩ khoa học	Thạc sĩ	Đại học	Tổng cộng	Tổng giảng viên quy đổi xác định chỉ tiêu
I	Giảng viên toàn thời gian tham gia giảng								
1	Khoa học tự nhiên		1	2	7			10	38
1.1	Khoa học môi trường	9440301	1	2	7			10	38
	Tổng cộng giảng dạy tiến sĩ		1	2	7			10	38
II	Giảng viên toàn thời gian tham gia giảng								
III	Giảng viên toàn thời gian tham gia giảng								
IV	Giảng viên toàn thời gian tham gia DT								

Ngày xuất: 24/05/2022 18:15

3.2 Giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các trình độ từ cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ (người)

STT	Lĩnh vực	Mã ngành	Giáo sư. Tiến sĩ/ Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Phó Giáo sư. Tiến sĩ/ Phó Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Tiến sĩ/ Tiến sĩ khoa học	Thạc sĩ	Đại học	Tổng cộng	Tổng giảng viên quy đổi xác định chỉ tiêu
I	Giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy trình độ tiến sĩ								
1	Khoa học tự nhiên		2	8	0			10	16
1.1	Khoa học môi trường	9440301	2	8	0			10	16
	Tổng giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy		2	8	0			10	16
II	Giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy trình độ thạc sĩ								
III	Giảng viên toàn thời gian tham gia giảng dạy trình độ ĐH, CĐSP								
IV	Giảng viên toàn thời gian tham gia ĐTTX trình độ ĐH								

Ngày xuất: 24/05/2022 18:15

4. Cán bộ quản lý, nhân viên hỗ trợ chuyên trách về đào tạo từ xa

Giáo sư. Tiến sĩ/ Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Phó Giáo sư. Tiến sĩ/ Phó Giáo sư. Tiến sĩ khoa học	Tiến sĩ/ Tiến sĩ khoa học	Thạc sĩ	Đại học	Tổng cán bộ/ nhân viên quản lý, hỗ trợ	Tổng thời gian quản lý, hỗ trợ (theo tháng)	Tổng cán bộ/ nhân viên quản lý, hỗ trợ quy đổi
0	0	0	1	0	1	0	0

Ngày xuất: 24/05/2022 18:15

5. Cơ sở vật chất đến ngày 31/12/2021

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m2)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng lab	3	140
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	0	0
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	0	0
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	0	0
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	0	0
1.5	Số phòng học đa phương tiện	0	0
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của cơ sở đào tạo	3	140
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	40
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành	1	1300
	Tổng	5	1480

Ngày xuất: 24/05/2022 18:15

Cơ quan quản lý trực tiếp
Đại học Quốc gia Hà Nội

Viện Tài nguyên và Môi trường-Đại học Quốc gia Hà Nội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐĂNG KÝ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM 2022

STT	Trình độ/Lĩnh vực/Ngành đào tạo	Mã ngành	Lĩnh vực	Chỉ tiêu đăng ký
A	SAU ĐẠI HỌC			3
1	Tiến sĩ			3
1.1	Khoa học tự nhiên			3
1.1.1	Khoa học môi trường	9440301	Khoa học tự nhiên	3
2	Thạc sĩ			0
B	ĐẠI HỌC			0
3	Đại học chính quy			0
3.1	Chính quy			0
3.1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học			0
3.1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)			0
3.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học			0
3.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học			0
3.4	Đào tạo chính quy với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên			0
4	Đại học vừa làm vừa học			0
4.1	Vừa làm vừa học			0
4.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học			0
4.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học			0
4.4	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học trở lên			0
5	Từ xa			0

C	CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON				
6	Cao đẳng chính quy				
6.1	Chính quy				
6.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chính quy				
6.3	Đào tạo chính quy đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng				
7	Cao đẳng vừa làm vừa học				
7.1	Vừa làm vừa học				
7.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng vừa làm vừa học				
7.3	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã tốt nghiệp trình độ cao đẳng				